TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 4A/KH
**(Mua sắm MMTB, DCVP)**

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

***(Thuộc kế hoạch năm 2016)***

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| *A* | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, máy chiếu…..)*** | | | | | |
| *1* | Máy chiếu | Chiếc | 1 | | | Bộ môn hiện có 01 máy chiếu, vì số lượng giảng viên của Bộ môn là 17 người nên Bộ môn có xin thêm 01 máy chiếu nữa để phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế……)*** | | | | | |
| *1* | Bàn làm việc | Bộ | 4 | | | Vì số lượng giảng viên của Bộ môn là 17 người mà Bộ môn chưa có đủ bàn làm việc cho giảng viên |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| *A* | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, máy chiếu…..)*** | | | | | |
| *1* | Máy tính | Chiếc | 12 | | | Hiện nay Bộ môn được Nhà trường giao phụ trách chuyên ngành mới (Trắc địa ảnh viễn thám và Hệ thông tin địa lý) có thực hành, thực tập trên máy tính tại phòng thí nghiệm của BM, cùng với hướng dẫn thực tập cho SV trong khoa nhưng chưa có máy tính tốt cho sinh viên thực tập |

*Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016*

**Thủ trưởng đơn vị**

**PGS.TS Trần Xuân Trường**

Người lập biểu

**Trần Thanh Hà**

Scanned with CamScanner

# DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP KẾ HOẠCH MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ

*NĂM 2016*

| TT | NGÀY THÁNG | TÊN ĐƠN VỊ | KÝ NỘP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 15 - 1 - 16 | VPK LL CT | N. T. Hương | 4A. 4B |
| 2 | 18 - 1 - 16 | BM Tuyển khoáng | Lê Việt Hà | 4A - 4B |
| 3 | 19 - 1 - 16 | Trạm y tế | Ng T Huyền | 4A - 4B |
| 4 | 20 - 1 - 16 | BM Trắc địa cao cấp | | 4A |
| 5 | 20 - 1 - 16 | Tổ máy Trắc địa | N.T.Mến | 4A - 4B |
| 6 | 20 - 1 - 16 | BM GDTC | Hà Thị Hiếu | 4A |
| 7 | 21 - 1 - 16 | BM Kỹ thuật điện - Điện tử | Ng Thị G | 4A - 4B |
| 8 | 21 - 1 - 16 | BM Địa chất - Thăm dò | Phạm T. Tú Thanh | 4A1 |
| 9 | 21 - 1 - 16 | VPK Kinh tế | | 4A |
| 10 | | BM Kế toán | | 4A |
| 11 | | BM QTDN Mỏ | Phan T Loan | 4A |
| 12 | | BM QTDN DC Dầu khí | | 4A |
| 13 | | VPK Mỏ | Ng Nga | 4A |
| 14 | 22 - 1 - 16 | Phòng ĐT SĐH | Hà | 4A |
| 15 | | BM Khai thác Hầm lò | Nhàn | 4A |
| 16 | | TTTT - TV | | 4A |
| 17 | | VPK Cơ điện | | 4A |
| 18 | | BM Máy & Tb Mỏ | | 4A, 4B |
| 19 | | BM Điện khí hoá | | 4A |
| 20 | | BM Kỹ thuật Điện - Điện tử | Ng Thị Liên | 4A - 4B |
| 21 | | BM Kỹ thuật cơ khí | | 4A |
| 22 | | BM Tự động hoá | | 4A |
| 23 | | Xưởng cơ điện | | 4A - 4B |
| 24 | | Bộ môn Hầm | Ng. V. Hưng | 4A |
| 25 | | BM Vật lý | Nguyên | 4A - 4B |
| 26 | | BM Tuyển Nguyên liệu khoáng | | 4A |
| 27 | | BM XDCTN & Mỏ | Trần Thị Thanh | 4A - 4B |

Scanned with CamScanner

# DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP KẾ HOẠCH MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ

*NĂM 2016*

| TT | NGÀY THÁNG | TÊN ĐƠN VỊ | KÝ NỘP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 55 | 27/1/16 | BM Kỹ thuật MT mở | Ng T. Cúc | 4A |
| 56 | 28/1/16 | Ban phục vụ Đào Tạo | Ng Thị Nga | 4A, 4B |
| 57 | 28/1 | BM Tin học cơ bản | C. Hoa | 4A |
| 58 | 28/1 | PTTN Địa tin học | | 4A |
| | 01/02 | Khoa GDCT | (Đính) | 4A |

Scanned with CamScanner

# DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP KẾ HOẠCH MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ

*NĂM 2016*

| TT | NGÀY THÁNG | TÊN ĐƠN VỊ | KÝ NỘP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 28 | 22-1-16 | KPK Trắc địa - BĐ & QLĐĐ | | 4A |
| 29 | | Phòng Hiclass | | 4A |
| 30 | | BM Khoáng sản | | 4A |
| 31 | | BM Địa chất biển | | 4A |
| 32 | | BM Khoáng Thạch - 1 | | 4A-4B |
| 33 | | BM Địa chất công trình | T. Thuý Hà | 4A-4B |
| 34 | | BM Tìm kiếm thăm dò | | 4A |
| 35 | | BM Địa chất thuỷ văn | | 4A |
| 36 | 25-1-16 | VPK Dầu khí | | 4A |
| 37 | | BM Th Dầu khí & CT | Thuý | 4A |
| 38 | | BM Lọc hoá dầu | | 4A-4B |
| 39 | | BM Địa vật lý | | 4A-4B |
| 40 | 25/01/2016 | BM KTCSở | | |
| 41 | | VPK Xây dựng | Ng Thị Hường | 4A |
| 42 | 25/01/2016 | BM Bản đồ | Lợi | 4A-4B |
| 43 | | BM Đo ảnh | T.T. Hà | 4A |
| 44 | 25/01/2016 | TTTT - Thư viện | V.T. Ngọc | 4A |
| 45 | 25/1/16 | TT NN - Tin học | V.T.N. | 4A-4B |
| 46 | | BM Địa chất dầu khí | N.T.T. Hằng | 4A-4B |
| 47 | 26/1/16 | Ban QLKTX | T. Thu | 4A |
| 48 | | VPK Kinf CNTT | | |
| 49 | | BM Tin Kinh tế | Ng T. Loan | |
| 50 | | BM Tin Trắc địa | | |
| 51 | | BM Tin địa chất | | |
| 52 | | BM Mạng máy tính | | |
| 53 | | BM Tin học Mỏ | | |
| 54 | 28/1/16 | BM Công nghệ phần mềm | H. A. Đức | 4A |

Scanned with CamScanner

# DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP KẾ HOẠCH MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ

*NĂM 2017*

| TT | NGÀY THÁNG | TÊN ĐƠN VỊ | KÝ NỘP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 28 | 28/2/17 | Khoa Sản | Đào H.T.Thoa | |
| 29 | 28/2/17 | Bmôn Tin Địa chất | | |
| 30 | 28/2/17 | Bmôn Mang máy tính | | |
| 31 | 28/2/17 | Bmôn Thí nghiệm Mỏ | | |
| 32 | 01/3/2017 | Khoa mắt chữa-BA và QLBB | Ngô Nguyễn Phú Hà | |
| 33 | 07/3/2017 | Bmôn giáo dục thể chất | Nguyễn Đăng Hưng | |
| 34 | 1/03/2017 | BM Vật lý | (K.Q.Anh) | |
| 35 | 1/03/2017 | BM Công nghệ phần mềm | Phan T. Hải Vân | |
| 36 | 1/3/2017 | Phòng Sở hữu | P.N.Hồ | |
| 37 | 2/3/2017 | Bm Ngoại ngữ | Dương Thuý Hường | |
| 38 | 2/3/2017 | Khoa Cơ-Điện | Đào Thị Huyền. | |
| 39 | 3/3/17 | T Máy BDG | Cù Thị Thu Hà | |
| 40 | 3/3/17 | Công nghệ Địa Chất | phùng Minh Sơn | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Scanned with CamScanner

# DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP KẾ HOẠCH MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ

*NĂM 2017*

| TT | NGÀY THÁNG | TÊN ĐƠN VỊ | KÝ NỘP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 20/2/2017 | BM Sức bền vật liệu | Ngô Văn Hoà | 4A, 4B |
| 2 | 20/2/2017 | BM Trắc địa Mỏ | V.N.Dũng | 4A |
| 3 | 21/2/2017 | BM Tự động hoá | | 4A |
| 4 | 21/2/2017 | BM Kế toán DN | NT Minh Thu | 4A |
| 5 | 21/2/2017 | Phòng Y tế | Bùi T. T Vân | 4A - 4B |
| 6 | 24/2/2017 | BM Kỹ thuật điện | Nguyễn Tuấn Giang | 4A - 4B |
| 7 | 24/2/2017 | BM Toán | | |
| 8 | 2 | BM Xây dựng CTN & Mỏ | Nguyễn T. Hằng Hà | |
| 9 | 24/2/2017 | Phòng Tài chính kế toán | Đỗ Thanh Dũng | 4A |
| 10 | 24/2/2017 | Bộ môn ĐVLý | Khoa Dầu khí | |
| 11 | | Bộ môn Khoan-KT | | |
| 12 | | BM Lọc-Hoá dầu | | |
| 13 | | BM Địa chất dầu | | |
| 14 | | VP Khoa Dầu khí | | |
| 15 | 24/2/2017 | VP Khoa KH & KT Địa chất | Vụ Cơ sở vật chất và Quản lý Phương | |
| 16 | | Bm ĐCCT | Hà | |
| 17 | 24/2/2017 | Bộ môn ĐCTV | Bùi T. Thu Hằng | |
| 18 | 24/02/2017 | TT Ngoại ngữ - Tin học | Hà Thuỳ Linh | |
| 19 | 27/02/2017 | BM Kỹ thuật môi trg | Nguyễn Thu Huyền | |
| 20 | 27/02/2017 | TT Phân tích, Thí nghiệm CNC | Lưu Đình Thái | |
| 21 | 27/02/2017 | BM Máy và TB công nghiệp | Phạm Lê Thị Hồng Thắng | |
| 22 | | BM QTDN Mỏ | | 4A |
| 23 | | BM Bản đồ | | 4A |
| 24 | | TT Hỗ trợ SV | | 4A |
| 25 | | TTTT-TV. | | |
| 26 | | K. Giáo dục quốc phòng | Phạm Công Tú | |
| 27 | | Bm Địa chất | Bùi T. Thu Hoà | Hoà |

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: Bộ Môn Trắc địa Mỏ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4A/KH
**(Mua sắm MMTB, DCVP)**

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

*(Kế hoạch năm 2017)*

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (nếu có) | Thành tiền (nếu có) | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế...)*** | | | | | |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| | **Máy tính bàn** | Bộ | 3 | | | Phục vụ giảng dạy phần mền |
| | **Máy in** | cái | 1 | | | Phục vụ phòng thí nghiệm |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế,...)*** | | | | | |
| | **Tủ kính 2 cánh** | cái | 1 | | | |
| **III** | **Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có):** | | | | | |
| | | | | | | |

*Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2017*

***Thủ trưởng đơn vị***

Nguyễn Quốc Long

***Người lập biểu***

Võ Ngọc Dũng



Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Số: 77 /MDC-QTTB
V/v kế hoạch mua sắm, sửa chữa năm 2017.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017*

Kính gửi: Các đơn vị trong toàn Trường.

Để thực hiện việc mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị, dụng cụ văn phòng và nhà cửa phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của các đơn vị trong toàn Trường năm 2017, Nhà trường đề nghị các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

- Trưởng các đơn vị tổ chức kiểm tra, rà soát về tình trạng trang thiết bị đã được trang bị, trên cơ sở đó căn cứ nhu cầu cần thiết về trang thiết bị của đơn vị mình để lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa cho năm 2017 (theo mẫu kèm theo).

- Các đơn vị nộp danh mục nhu cầu mua sắm và sửa chữa theo biểu mẫu về phòng Quản trị - Thiết bị (gặp đồng chí Hương), đồng thời gửi file mềm về địa chỉ quantrithietbi@humg.edu.vn trước ngày 25/02/2017 để Nhà trường kịp thời lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***
- Như kính gửi;
- HUMG iOFFICE;
- BGH (để b/cáo);
- Lưu: HCTH, QTTB(3).

**TL. HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ - THIẾT BỊ**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

**TS. Phạm Đức Thiên**

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4A/KH
**(Mua sắm MMTB, DCVP)**

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

***(Kế hoạch năm 2017)***

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (nếu có) | Thành tiền (nếu có) | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| 1 | Máy vi tính | Bộ | 1 | 10,000,000 | 10,000,000 | Phòng làm việc của Trưởng Khoa |
| 2 | Máy in | Cái | 1 | | | Phòng làm việc của Trưởng Khoa |
| 3 | Máy điều hòa nhiệt độ | Bộ | 1 | | | Phòng làm việc của Trưởng Khoa |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế...)*** | | | | | |
| 1 | Bộ salon tiếp khách | Bộ | 1 | | | Trang thiết bị cho phòng Trưởng Khoa |
| 2 | Ghế ngồi họp | Cái | 18 | | | Trang thiết bị cho phòng họp mới |
| **II** | **Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có):** | | | | | |
| 1 | Bàn làm việc ovan(20G051BS) | Cái | | | | Điều chuyển sang BM Trắc địa phổ thôr |
| 2 | Bàn họp 2,4m (07G042B) | Cái | | | | Điều chuyển sang BM Trắc địa phổ thôr |
| 3 | Máy tính (G2020 LCD19) | Bộ | | | | Điều chuyển xuống P. Công tác sinh viê |
| 4 | Máy in Lazer HP1160(06M021) | Cái | | | | Điều chuyển xuống P. Công tác sinh viê |
| 5 | Máy tính xách tay 256kb (02M176) | Cái | | | | Đề nghị thanh lý |

*Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017*

***Trưởng Khoa***

Trần Thuý Diệp

***Người lập biểu***

Nguyễn Phú Hoà



Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn Bản đồ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 4A/KH
(Mua sắm MMTB, DCVP)

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

*(Kế hoạch năm 2017)*

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (nếu có) | Thành tiền (nếu có) | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| I | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| *A* | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| *B* | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế...)*** | | | | | |
| II | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| *A* | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| *1* | Máy in đa năng | Máy | 1 | | | Máy cũ đã thanh lý |
| *2* | Mầu in Inktec Hàn Quốc: | | | | | |
| | + Đen (Black) | Lít | 3 | 300000 | 900000 | |
| | + Xanh (Cyan) | Lít | 3 | 300000 | 900000 | |
| | + Đỏ (Magenta) | Lít | 3 | 300000 | 900000 | |
| | + Vàng (Yellow) | Lít | 3 | 300000 | 900000 | |
| *B* | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế,...)*** | | | | | |
| *1* | Ổ cắm lioa (8 ổ cắm. 10m dây) | Cái | 4 | 190000 | 760000 | |
| III | **Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có):** | | | | | |

*Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2017*

***Thủ trưởng đơn vị***

Bùi Ngọc Quý

***Người lập biểu***

Nguyễn Danh Đức

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: TỔ MAY TRẮC ĐỊA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4A/KH
**(Mua sắm MMTB, DCVP)**

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

***(Thuộc kế hoạch năm 2017)***

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, máy chiếu…..)*** | | | | | |
| 1 | Mia gỗ Thủy chuẩn 3m | Cái | 20 | 1,500,000 | 60,000,000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 2 | Chân máy Thủy chuẩn | Cái | 10 | 1,000,000 | 10,000,000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 3 | Máy Thủy chuẩn | Cái | 10 | 7,000,000 | 70,000,000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 4 | Ốc nối máy | Cái | 20 | 300,000 | 6,000,000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 5 | Máy chỉnh trục Collimetter 5D | Bộ | 1 | 90,000,000 | 90,000,000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 6 | Gương, sào | Bộ | 20 | 2,000,000 | 40,000,000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế……)*** | | | | | |
| *1* | Tủ ngăn nhỏ đựng đồ sửa chữa (CAT118G-CAT118-210) | cái | 1 | | | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, máy chiếu…..)*** | | | | | |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế……)*** | | | | | |
| **III** | **Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có):** | | | | | |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017*

***Thủ trưởng đơn vị***
*(Chủ nhiệm Bộ môn hoặc Trưởng Khoa, Phòng, Ban, TT)*

Nguyễn Thế Hiệp



***Người lập biểu***

Nguyễn Thị Mến

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4B/KH
**(Sửa chữa máy móc, TB, phòng TN)**

**DANH MỤC NHU CẦU SỬA CHỮA MÁY MÓC THIẾT BỊ VÀ PHÒNG THÍ NGHIỆM – NHÀ CỬA**
***(Kế hoạch năm 2017)***

| TT | Tên thiết bị hoặc đối tượng cần sửa chữa | Tình trạng | Giải trình việc sửa chữa | Dự trù kinh phí (Đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Dịch chuyển 1 vách ngăn phòng | | | | |
| 2 | Làm mới 1 vách ngăn | | | | |
| 3 | Thay rèm chống nóng | | | | |
| 4 | Di chuyển 02 cửa rộng 1,4m | | | | |
| 5 | Làm mới 1 cửa rộng 0,89m | | | | |
| 6 | Làm trần thạch cao diện tích khoảng 100m--$^2$ | | | | |
| 7 | 03 Biên tên cho 03 phòng mới | | | | |

*Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017*

**Trưởng Khoa**

Trần Thuý Diệp

**Người lập biểu**

Nguyễn Thị Hà



Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: Khoa Trắc địa-Bản đồ và QL đất đai**
**Bộ môn Địa chính**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4A/KH
**(Mua sắm MMTB, DCVP)**

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

***(Thuộc kế hoạch năm 2017)***

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, máy chiếu…..)*** | | | | | |
| *1* | Máy in đa năng | Cái | 01 | | | -Máy in đã hết khâu hao, hỏng hỏng không khắc phục được |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế……)*** | | | | | |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, máy chiếu…..)*** | | | | | |
| *1* | Điều hòa | Cái | 01 | | | -Điều hòa không đủ đáp ứng do phòng TN ở tầng 2, hướng tây (phòng F204) |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế……)*** | | | | | |
| **III** | **Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có):** | | | | | |
| | | | | | | |

*Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2017*

***Thủ trưởng đơn vị***

Phạm Thị Hoa

***Người lập biểu***

Phùng Minh Sơn



Scanned with CamScanner

# ANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP BẢNG KÊ KHAI DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT

*NĂM 2017*

| TT | NGÀY THÁNG | TÊN ĐƠN VỊ | KÝ NỘP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 10/5/2017 | Phòng Y tế | | |
| 2 | 10/5/2017 | Phòng Công Đoàn | | |
| 3 | 10/5/2017 | Bộ môn Tuyển khoáng | | |
| 4 | 10/5/2017 | BM Sức bền vật liệu | N. Nam Hoá | |
| 5 | 10/5/2017 | Phòng Xuất bản | | |
| 6 | 10/5/2017 | K. Dầu khí | Thuỷ N.T.Thuỷ | 07 đơn vị |
| 7 | 11/5/2017 | K. GDCP | P.C.Tú | |
| 8 | 12/5/2017 | BM. Kĩ thuật, lò | Mai | |
| 9 | 12/5/2017 | VPK Mỏ | Mai | |
| 10 | 13/5/2017 | Bm Địa chất và Viễn thám | Phương | |
| 11 | 12/5/2017 | Khoa Xây dựng | Hường | |
| 12 | 12/5/2017 | TT Thông tin - Thư viện | V.T.Ngọc | |
| 13 | 12/05/2017 | Bm Hoá | Ng.V.Thưng | |
| 14 | 12/05/2017 | TT Ngoại ngữ - Tin học | Thuỷ Thuỷ Linh | |
| 15 | 15/05/2017 | Bộ môn QTDN mỏ | Văn | |
| 16 | 15/05/2017 | Bộ môn XD HTCS | Trang | |
| 17 | 15/5/2017 | Bộ môn Địa chính | Kiên | |
| 18 | 15/5/2017 | Bộ môn XDCTN & MT | Hường | |
| 19 | 15/5/2017 | Phòng SĐH | P.N.Hải | |
| 20 | 15/5/2017 | Bộ môn Trắc địa Mỏ | V.N Duy | |
| 21 | 15/5/2017 | Bộ môn Bản đồ | V.N. Duy | |
| 22 | 15/5/2017 | Trung tâm Hỗ trợ sinh viên | Hường | |
| 23 | 15/5/2017 | Khoa Trắc địa - bđ và QLđất | Trang | |
| | | Bộ môn Trắc địa cao cấp | | |
| 24 | 15/5/2017 | Bmôn Trắc địa công trình | Thanh | |
| 25 | 15/5/2017 | BM Kế toán BN, | Thuỷ | |
| 26 | 15/5/2017 | BM QTDN Địa chất - Dầu khí | | |

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Khoa Trắc địa- Bản đồ &QLĐĐ
**Bộ môn: Đo ảnh và Viễn thám**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT THAY THẾ, BỔ SUNG THIẾT BỊ

*(Kèm theo công văn số 280 ngày 08 tháng 5 năm 2017)*

| Số TT | Tên thiết bị | ĐVT | Số lượng | Tình trạng và hiệu quả sử dụng | Thay thế | Bổ sung | Giải thích |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Máy vi tính | | | | | | |
| | - Máy để bàn | Bộ | 0 2 | bình thường | | 0 2 | PTN cần thêm 2 bộ để hướng dẫn thực hành |
| | - Máy xách tay | | | | | | |
| 2 | Máy in | cái | 0 1 | hỏng | 0 1 | | Cần thay máy in Canon |
| 3 | Máy phôtô copy | | | | | | |
| 4 | Máy chiếu | Chiếc | 0 1 | bình thường | | | |
| 5 | Máy fax | | | | | | |
| 6 | Điều hòa nhiệt độ | | | | | | |
| | - Điều hòa treo tường | cái | 0 1 | bình thường | | | |
| | - Điều hòa cây | | | | | | |

**LÃNH ĐẠO BỘ MÔN**

**PGS.TS Trần Vân Anh**

Scanned with CamScanner

# ANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP BẢNG KÊ KHAI DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT

*NĂM 2017*

| TT | NGÀY THÁNG | TÊN ĐƠN VỊ | KÝ NỘP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 27 | 16/5/2017 | VPKhoa KHSB + BM Vật lý | ~~Hoàng Hồng Hà~~ | Hà |
| 28 | 16/5/2017 | p. CTSV | Nguyễn phan Thuý | Thuý |
| 29 | 16/5/2017 | Bộ môn Toán | ~~Hoàng Hồng Hà~~ | Hà |
| 30 | 16/5/17 | VPK Kinh tế | Phạm Thị Châu | |
| 31 | | VPK Địa chất | | |
| 32 | | BM Địa chất CT. | | |
| 33 | | Phòng ĐTĐH | | |
| 34 | | Phòng TCCB | | |
| 35 | | Phòng TV | | |
| 36 | | VPK Cơ điện | | |
| 37 | | Phòng KT & ĐBCL | | |

Scanned with CamScanner

| Số TT | Tên thiết bị | ĐVT | Số lượng | Tình trạng và hiệu quả sử dụng | Thay thế | Bổ sung | Giải thích |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Điều hòa cây | | | | | | |

***Ghi chú:***

- Cột (5): Đơn vị rà soát lại các thiết bị nêu trên mà đơn vị đang quản lý sử dụng, đánh giá hiệu quả sử dụng, tình trạng thiết bị và nhu cầu thừa, thiếu của đơn vị.
- Cột (6), (7): Ghi số lượng cần thay thế, bổ sung.
- Cột (8): Ghi giải thích lý do phải thay thế, bổ sung và các nội dung khác cần thiết.

**Bộ môn Địa chính**

Trần Thuỳ Dương

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: BỘ MÔN ĐỊA CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT THAY THẾ, BỔ SUNG THIẾT BỊ

*(Kèm theo công văn số 280 ngày 08 tháng 5 năm 2017)*

| Số TT | Tên thiết bị | ĐVT | Số lượng | Tình trạng và hiệu quả sử dụng | Thay thế | Bổ sung | Giải thích |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Máy vi tính<br>- Máy để bàn<br>- Máy xách tay | | | | | | |
| 2 | Máy in | cái | 01 | 01 cái ở văn phòng bộ môn tình trạng tốt, sử dụng hiệu quả | | 01 | Phòng thí nghiệm chưa được đầu tư |
| 3 | Máy phôtô copy | | | | | | |
| 4 | Máy chiếu | | | | | | |
| 5 | Máy fax | | | | | | |
| 6 | Điều hòa nhiệt độ | | | | | | |
| | - Điều hòa treo tường | bộ | 03 | 02 bộ ở văn phòng bộ môn<br>01 bộ ở phòng thí nghiệm | 01 | 02 | **Văn phòng bộ môn**<br>-Thay thế 01 bộ do đã hết khấu hao (từ năm 1995, mã thẻ 95M079), không dùng được.<br>-Bổ xung thêm 01 bộ: do 01 bộ điều hòa nên không đủ đáp ứng được.<br>**Phòng thí nghiệm**<br>Bổ xung thêm 01 bộ: do 01 bộ điều hòa không đủ đáp ứng, phòng rộng, hướng tây (F204) |

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: Bộ môn Bản đồ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT THAY THẾ, BỔ SUNG THIẾT BỊ

*(Kèm theo công văn số 280 ngày 08 tháng 5 năm 2017)*

| Số TT | Tên thiết bị | ĐVT | Số lượng | Tình trạng và hiệu quả sử dụng | Thay thế | Bổ sung | Giải thích |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Máy vi tính | | | | | | |
| | - Máy để bàn | Bộ | 3 | Tốt, đang sử dụng phục vụ công việc hàng ngày của Bộ môn | | | |
| | - Máy xách tay | Cái | | | | 1 | Thiếu và chưa có |
| 2 | Máy in | Cái | 2 | Tốt, đang sử dụng phục vụ công việc hàng ngày của Bộ môn | | 1 | Bổ sung cho phòng Thí nghiệm (Canon MF211) |
| 3 | Máy Scan | Cái | | | | 1 | Đã thanh lý năm 2016 |
| 4 | Máy phôtô copy | | | | | | Không có |
| 5 | Máy chiếu | Cái | 1 | Tốt, đang sử dụng phục vụ công việc hàng ngày của Bộ môn | | | |
| 6 | Máy fax | | | | | | Không có |
| 7 | Điều hòa nhiệt độ | | | | | | |
| | - Điều hòa treo tường | Bộ | 3 | Tốt, đang sử dụng phục vụ công việc hàng ngày của Bộ môn | | | |
| | - Điều hòa cây | | | | | | Không có |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**
**Bộ môn Bản đồ**

**TS. Bùi Ngọc Quý**

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: Bộ môn trắc địa Mỏ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT THAY THẾ, BỔ SUNG THIẾT BỊ

*(Kèm theo công văn số 280 ngày 08 tháng 5 năm 2017)*

| Số TT | Tên thiết bị | ĐVT | Số lượng | Tình trạng và hiệu quả sử dụng | Thay thế | Bổ sung | Giải thích |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Máy vi tính | | | | | | |
| | - Máy để bàn | Cái | 1 | Sử dụng bình thường, cấu hình yếu, bộ môn sử dụng liên tục. | | 3 | Phục vụ công việc giảng dãy, NCKH, của sinh viên, học viên cao học, NCS |
| | - Máy xách tay | Cái | 1 | Sử dụng bình thường, cấu hình yếu | Thay pin | | Sử dụng lâu pin hỏng |
| 2 | Máy in | Cái | 1 | Sử dụng bình thường | | | |
| 3 | Máy phôtô copy | Cái | 0 | | | 1 | phôtô công văn |
| 4 | Máy chiếu | Cái | 2 | 01 cái sử dụng bình thường, 01 cái đã hỏng (thanh lý) | | | |
| 5 | Máy fax | | 0 | | | | |
| 6 | Điều hòa nhiệt độ | | | | | | |
| | - Điều hòa treo tường | Cái | 2 | Sử dụng bình thường | | 1 | Xin thêm 1 quạt cây phòng làm việc trong không đủ mát lúc làm việc |
| | - Điều hòa cây | | 0 | | | | |

**Bộ môn Trắc địa mỏ**

Võ Ngọc Dũng

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Bộ môn Trắc địa cao cấp**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT THAY THẾ, BỔ SUNG THIẾT BỊ

***(Kèm theo công văn số 280 ngày 08 tháng 5 năm 2017)***

| Số | Tên thiết bị | ĐVT | Số lượng | Tình trạng và hiệu quả sử dụng | Thay | Bổ sung | Giải thích |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Máy vi tính để bàn | Bộ | 1 | Hiện nay máy tính để bàn của bộ môn đã hỏng | | 1 | Máy để bàn đã thanh lý với nhà trường |
| 2 | Máy in | Cái | 1 | Hiện nay máy in của bộ môn quá cũ | | 1 | |
| 3 | Máy chiếu phòng thí | cái | 1 | Hiện nay PTN chưa có máy chiếu | | 1 | Để phục vụ các tiết học tại phòng thí nghiệm |

**Trưởng bộ môn**

**TS. Nguyễn Văn Sáng**

***Ghi chú:***

- Cột (5): Đơn vị rà soát lại các thiết bị nêu trên mà đơn vị đang quản lý sử dụng, đánh giá hiệu quả sử dụng, tình trạng thiết bị và nhu cầu thừa, thiếu của đơn vị.

- Cột (8): Ghi giải thích lý do phải thay thế, bổ sung và các nội dung khác cần thiết.

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Văn Phòng Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đa**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT THAY THẾ, BỔ SUNG THIẾT BỊ

***(Kèm theo công văn số 280 ngày 08 tháng 5 năm 2017)***

| Số TT | Tên thiết bị | ĐVT | Số lượng | Tình trạng và hiệu quả sử dụng | Thay thế | Bổ sung | Giải thích |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Máy vi tính | | | | | | |
| | - Máy để bàn | Bộ | 2 | Hiện nay vẫn hoạt động bình thường, cần bổ sung 01 máy tính | 0 | 1 | Cho Ban chủ nhiệm Khoa làm việc |
| | - Máy xách tay | Cái | 1 | Máy đã hỏng không sử dụng được | 1 | | Máy từ năm 2002 đã hỏng không dùng được |
| 2 | Máy in | Cái | 2 | Hiện nay vẫn hoạt động bình thường | | 1 | Cho Ban chủ nhiệm Khoa làm việc |
| 3 | Máy phôtô copy | Cái | 1 | Chức năng photo hỏng chỉ còn chức năng in | | 1 | Chức năng photo hỏng, cần bổ sung 01máy photo |
| 4 | Máy chiếu | Cái | 1 | Hiện nay vẫn hoạt động bình thường | | | |
| 5 | Máy fax | | | Hiện tại văn phòng khoa chưa có | | 1 | |
| 6 | Điều hòa nhiệt độ | | | | | | |
| | - Điều hòa treo tường | Cái | 4 | 3 Điều hòa hiện nay vẫn hoạt động bình thường, 01 máy đã cũ, hoạt động không ổn định và không đủ công suất | | 1 | Bổ sung 1 máy điều hòa 12000 btu cho phòng thí nghiệm Hiclass, |
| | - Điều hòa cây | | | | | | |

**P. Trưởng Khoa**

**TS. Nguyễn Văn Sáng**

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị:** Bộ môn Trắc địa công trình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

## BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT THAY THẾ, BỔ SUNG THIẾT BỊ

*(Kèm theo công văn số 280 ngày 08 tháng 5 năm 2017)*

| Số TT | Tên thiết bị | ĐVT | Số lượng | Tình trạng và hiệu quả sử dụng | Thay thế | Bổ sung | Giải thích |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Máy vi tính | | | | | | |
| | - Máy để bàn | | 1 | sử dụng tốt | | 1 | Phục vụ cho công việc giảng dạy |
| | - Máy xách tay | | | | | | |
| 2 | Máy in | | 1 | sử dụng tốt | | | |
| 3 | Máy phôtô copy | | | | | | |
| 4 | Máy chiếu | | 1 | sử dụng tốt | | | |
| 5 | Máy fax | | | | | | |
| 6 | Điều hòa nhiệt độ | | | | | | |
| | - Điều hòa treo tường | | | | | | |
| | - Điều hòa cây | | 1 | sử dụng tốt | | | |

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2017

**Trưởng bộ môn**

**TS. Nguyễn Việt Hà**

**Người lập**

Nguyễn Thị Kim Thanh

Scanned with CamScanner

# DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP KẾ HOẠCH MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ

*NĂM 2018*

| TT | NGÀY THÁNG | TÊN ĐƠN VỊ | KÝ NỘP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 16/1/2018 | VP Công đoàn | Việt Nga | 4A, 4B. |
| 2 | 17/1/2018 | Phòng Hồ | Lưu T. H. Vân | 4A, 4B |
| 3 | 18/1/2018 | BMXDCTN & MC | Ng Thị Hường | 4A, 4B |
| 4 | 19/1/2018. | Bm Khai thác Hầm lò | Phạm Đình T. T. Nhàn | 4A, 4B. |
| 5 | 19/1/2018 | Bm Địa sinh thái & CNMT | Đỗ Thị Hải | 4A, 4B |
| 6 | 23/1/2018 | BM Kỹ thuật môi trg | Ng T. Thu Thuỷ | 4A, 4 |
| 7 | 23/1/2018 | Bộ môn Trắc địa Mỏ | Võ Ngọc Dũng | 4A. |
| 8 | 25/1/2018 | Trung tâm Hỗ trợ sinh viên | Hà Thế Hường | |
| 9 | 24/1/2018 | Bộ môn Kế toán DN | Phạm Thu Hường | 4A. |
| 10 | 24/1/2018. | P. KHCN&HTQT | Hoàng Thu Hằng | 4A, 4B. |
| 11 | | Tin học Trắc địa | | 4A, 4B |
| 12 | | Ban QL DA | | 4A |
| 13 | 26/1/2018 | BM Tin học Cơ bản | Đặng Quốc Trung | 4A. |
| 14 | 29/1/2018 | BM Điện khí hoá | Phạm Thị Thuý | 4A, 4B |
| 15 | 29/1/2018 | TMTĐ | Cù Thị Thu Hà | 4A, 4B. |
| 16 | 29/1/2018 | Phòng Hành chính - Tổng hợp | Trần Thanh Phương | 4A, 4B |
| 17 | 30/1/2018 | Bộ môn Trắc địa Cây Xanh | Lê Thế Thể | 4A, 4B. |
| 18 | 30/1/2018 | Bộ môn Khai thác lộ thiên | Trần Quang Hiếu | 4A, 4B. |
| 19 | 30/1/2018 | Khoa Trắc địa BĐ & QLĐĐ | | |
| 20 | 30/1/2018 | P. CTSV | Phan T. Thúy | 4A, 4B |
| 21 | 30/1/2018 | BM Kỹ thuật điện - Điện tử | Ng Tự Giang | 4A, 4B |
| 22 | 30/01/2018 | Bm TĐ cao cấp | Đỗ Thị Thu Hằng | 4A |
| 23 | 30/01/2018 | Khoa TĐ - BQ & QLĐĐ | | 4A |
| 24 | 30/01/2018 | Bm Địa chất | Phùng Mạnh Sơn | 4A |
| 25 | | BM Kỹ thuật cơ khí | | |
| 26 | | BM Tự động hoá | Ng. T. Liên | |
| | | BM Máy & TB Công nghiệp | | |

Scanned with CamScanner

# DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP KẾ HOẠCH MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ

*NĂM 2018*

| TT | NGÀY THÁNG | TÊN ĐƠN VỊ | KÝ NỘP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 27 | 30/1/2018 | Xưởng cơ khí | | |
| 28(21) | | BM ICT Điện - Điện tử | Ng. T. Liên | |
| 29 | 30/1/2018 | Khoa MT | Hoàng Th. T. Trang | 4A, 4B |
| 30 | 31/1 2018 | BM MMT & Truyền thông | ĐC Tuyết | 4A / 4B |
| 31 | 31/1/2018 | Bộ môn Thiết bị Điều khiển CT | phương | 4A |
| 32 | 31/1/2018 | Bộ môn Công nghệ phần mềm | Tân | 4A |
| 33 | 31/1/2018 | Khoa Điện tử | Thường | 4A |
| 34 | | BM Địa vật lý | | 4A, 4B |
| 35 | 31/1/2018 | BM Tin học địa chất | Ng Thị Hải Yến | 4A / 4B |
| 36 | 01/02/2018 | Phòng KHCĐC (10 đơn vị) | Phan T Thuỷ | |
| 37 | 01/02/2018 | Khoa học Máy tính | Ngô Thị Oanh | 4A, 4B |
| 38 | 02/02/2018 | Bộ môn Sức bền VL | Phạm Tuấn Anh | |
| 39 | 6/02/2018 | TT TT - Thư viện | V. T. Ngọc | |
| | 1/3/18 | P. Khảo thí & ĐBCL | | 4A |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn TRẮC ĐỊA MỎ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4A/KH
**(Mua sắm MMTB, DCVP)**

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

***(Thuộc kế hoạch năm 2018)***

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, máy chiếu.....)*** | | | | | |
| 1 | Máy in canon hai mặt | Cái | 1 | 5,000,000 | 5,000,000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa |
| 2 | CPU máy tính để bàn Cấu hình cao (Bộ môn TĐM đã trả hai máy tính mà chưa được cấp lại) | Cái | 2 | 20,000,000 | 40,000,000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa |
| 3 | Pin máy đo TĐĐT leica TS02 | Cái | 4 | 5,000,000 | 20,000,000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế.....)*** | | | | | |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| **III** | **Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có):** | | | | | |

*Hà Nội, ngày 23 tháng 1 năm 2018*

***Thủ trưởng đơn vị***
*(Chủ nhiệm Bộ môn hoặc Trưởng Khoa, Phòng, Ban, TT)*

TS. Lê Thị Thu Hà

***Người lập biểu***

Vũ Ngọc Dũng



Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: Tổ máy Trắc địa**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Biểu số 4A/KH
(Mua sắm MMTB, DCVP)

## DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

*(Thuộc kế hoạch năm 2018)*

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***I*** | ***Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:*** | | | | | |
| *A* | *Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, máy chiếu.....)* | | | | | |
| 1 | Pin máy Leica TC 406 | quả | 2 | 2,500,000 | 5,000,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 2 | Sạc máy Topcon GTS 230 | cái | 3 | 2,500,000 | 7,500,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 3 | Sào gương | cái | 6 | 850,000 | 5,100,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 4 | Quả gương + khung gương Leica | quả | 2 | 2,500,000 | 5,000,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 5 | Pin máy GPS Trimble R3 | quả | 4 | 6,500,000 | 26,000,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 6 | Chân máy toàn đạc | cái | 5 | 1,800,000 | 9,000,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 7 | Mia gỗ 3m (hai mặt) | đôi | 8 | 3,200,000 | 25,600,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 8 | Ô Che máy | cái | 10 | 1,700,000 | 17,000,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 9 | Phím cao su F1 đến F4 máy Topcon GTS 230 | cái | 3 | 900,000 | 2,700,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 10 | Bộ chỉnh tâm phát máy toàn đạc điện tử | bộ | 1 | 82,000,000 | 82,000,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế.....)*** | | | | | |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| **III** | **Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có):** | | | | | |
| 1 | Máy 3T5KII | cái | 12 | | | Đã hỏng |
| 2 | Máy Theo 010B | cái | 10 | | | Đã hỏng |
| 3 | Máy Theo 020B | cái | 5 | | | Đã hỏng |



Scanned with CamScanner

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Máy Ni004 | cái | 3 | | | Đã hỏng |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2018*

***Thủ trưởng đơn vị***

**Hoàng Lê Minh**

***Người lập biểu***

***Cù Thị Thu Hà***



Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: Tổ máy Trắc địa**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Biểu số 4B/KH

**DANH MỤC NHU CẦU SỬA CHỮA MÁY MÓC THIẾT BỊ VÀ PHÒNG THÍ NGHIỆM – NHÀ CỬA**
***(Thuộc kế hoạch năm 2018)***

| Số TT | Tên thiết bị hoặc đối tượng cần sửa chữa | Đơn vị tính | Số lượng | Tình trạng | Giải trình việc sửa chữa | Dự trù kinh phí (Đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thay ruột pin máy Topcon GTS 230 | quả | 6 | Hỏng ruột | Thay ruột | 6,000,000 | |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm2018*

**Thủ trưởng đơn vị**

Hoàng Lê Minh

**Người lập biểu**

Cù Thị Thu Hà



Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: Bộ môn Trắc địa công trình**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4A/KH
(Mua sắm MMTB, DCVP)

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

***(Thuộc kế hoạch năm 2018)***

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***I*** | ***Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:*** | | | | | |
| ***A*** | *Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, máy chiếu.....)* | | | | | |
| 1 | Pin máy Leica TCR 705 | quả | 2 | 2,500,000 | 5,000,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa họ |
| 3 | Sạc pin máy DiNi 12 | cái | 1 | 850,000 | 850,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa họ |
| 4 | Định tâm quang học + gương chùm PENTACK | Bộ | 2 | 5,000,000 | 10,000,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa họ |
| 5 | Pin máy GPS Trimble R3 | quả | 3 | 2,500,000 | 7,500,000 | Đào tạo và nghiên cứu khoa họ |
| 6 | Acqui máy đo sâu hồi âm ODOM HYDROTRACK | Chiếc | 1 | 1,500,000 | 1,500,000 | |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế.....)*** | | | | | |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| **III** | **Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có):** | | | | | |
| | | | | | | |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2018*

***Thủ trưởng đơn vị***

**Nguyễn Việt Hà**

***Người lập biểu***

***Lê Đức Tình***



Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: Bộ môn Trắc địa công trình**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Biểu số 4B/KH

**DANH MỤC NHU CẦU SỬA CHỮA MÁY MÓC THIẾT BỊ VÀ PHÒNG THÍ NGHIỆM – NHÀ CỬA**
***(Thuộc kế hoạch năm 2018)***

| Số TT | Tên thiết bị hoặc đối tượng cần sửa chữa | Đơn vị tính | Số lượng | Tình trạng | Giải trình việc sửa chữa | Dự trù kinh phí (Đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Sữa chữa bộ phận cân bằng và đo dài máy DiNi 12 | Cái | 1 | Hỏng phận tự cân bàng | Thay mới | 15,000,000 | |
| 2 | Kiểm nghiệm, bảo dưỡng và kiểm định máy GPS Trimble R3 | Cái | 3 | Hết hạn kiểm định máy | Kiểm định mới | 4,500,000 | |
| 3 | Kiểm nghiệm, bảo dưỡng và kiểm định máy TCR705 | Cái | 1 | Hết hạn kiểm định máy | Kiểm định mới | 1,500,000 | |
| 4 | Thay bọt thủy và kiểm nghiệm lại định tâm quan học bộ định tâm quang học PENTACK | Bộ | 2 | Hỏng bọt thủy | Thay mới | 1,500,000 | |
| 5 | Kiểm nghiệm, bảo dưỡng và kiểm định máy đo sâu hồi âm ODOM | Cái | 1 | Hết hạn kiểm định máy | Kiểm định mới | 2,500,000 | |
| | | | | | | | |

*Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm2018*

**Thủ trưởng đơn vị**

**Nguyễn Việt Hà**

**Người lập biểu**

***Lê Đức Tình***

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: VPK Trắc địa-Bản đồ và Quản lý đất đai**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4A/KH
**(Mua sắm MMTB, DCVP, DCTN)**

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

***(Kế hoạch năm 2018)***

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (nếu có) | Thành tiền | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| 1 | Máy vi tính | Bộ | 3 | | | Trang bị cho các lãnh đạo khoa làm việc |
| 2 | Máy phô tô | Cái | 1 | | | Trang bị để phô tô văn bản, tài liệu của kho |
| 3 | Máy chiếu + Màn chiếu | Bộ | 1 | | | |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế...)*** | | | | | |
| 1 | Ghế da | cái | 2 | | | Trang bị cho 02 Phó trưởng khoa |
| 2 | Ghế xuân hòa | cái | 30 | | | Trang bị cho phòng họp khoa |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (trang thiết bị thí nghiệm, máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| 1 | Điều hòa 12000BTU | cái | 1 | | | Lắp cho phòng máy tính dự án |
| 2 | Tủ sắt đựng tài liệu | cái | 3 | | | Lắp cho phòng máy tính dự án |
| 3 | Máy chiếu + Màn chiếu | Bộ | 1 | | | Lắp cho phòng máy tính dự án |
| 4 | Máy Rover của trạm Cors | Cái | 2 | | | Lắp cho trạm cors |
| 4 | Bộ tích điện cho trạm cors | Bộ | 2 | | | Lắp cho trạm cors |
| ***B*** | ***Dụng cụ thí nghiệm (tủ, bàn, ghế,...)*** | | | | | |
| 1 | Phần mềm diệt virut Karpersky cho 32 máy | | | | | Lắp cho phòng máy tính dự án |
| 2 | Thảm hút bụi lát sàn phòng máy tính dự án của khoa | | | | | Lắp cho phòng máy tính dự án |
| 3 | Camera Ip.wifi | | | | | Lắp cho phòng máy tính dự án |
| **III** | **Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có):** | | | | | |

*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018*

***Người lập biểu***

Tạ Thị Thu Hường

***Thủ trưởng đơn vị***

*(Chủ nhiệm Bộ môn hoặc Trưởng Khoa, Phòng, Ban, TT)*

Trần Thuý Dung



Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị:** Bộ môn Trắc địa cao cấp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Biểu số 4A/KH

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

*(Kế hoạch năm 2018)*

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (nếu có) | Thành tiền (nếu có) | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| *A* | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| | Giây cáp máy thu GPS GB-1000 | cái | 2 | | | |
| | Ba lô đựng máy thu GPS GB-1000 | cái | 2 | | | |
| | Máy tính để bàn | bộ | 1 | | | |
| | Máy in đa năng | chiếc | 1 | | | |
| *B* | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế...)*** | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| *A* | ***Máy móc thiết bị (trang thiết bị thí nghiệm, máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| | Máy tính để bàn | bộ | 1 | | | |
| | Máy in | chiếc | 1 | | | |
| | | | | | | |
| *B* | ***Dụng cụ thí nghiệm (tủ, bàn, ghế,...)*** | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |



Scanned with CamScanner

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (nếu có) | Thành tiền (nếu có) | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | |
| III | **Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có):** | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

*Hà Nội, ngày 30 tháng 1 năm 2018*

***Thủ trưởng đơn vị***
*(Chủ nhiệm Bộ môn hoặc Trưởng Khoa, Phòng, Ban, TT)*

Nguyễn Văn Sáng

***Người lập biểu***

Trần Phú Phương

**Ghi chú:**

*- Các trang thiết bị như máy tính, máy in, bàn, ghế, tủ....Đề nghị đơn vị ghi rõ tên, số lượng thiết bị và giải trình lí do (cột đơn giá và thành tiền có thể bỏ trống)*

*- Các trang thiết bị khác đề nghị điền đầy đủ các thông tin trong bảng trên.*



Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: Địa chính**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4A/KH
**(Mua sắm MMTB, DCVP, DCTN)**

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

*(Kế hoạch năm 2018)*

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (nếu có) | Thành tiền (nếu có) | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| *A* | *Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, ...)* | | | | | |
| | | | | | | |
| *B* | *Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế...)* | | | | | |
| | | | | | | |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| *A* | *Máy móc thiết bị (trang thiết bị thí nghiệm, máy tính, máy in, ...)* | | | | | |
| *1* | GPS GNSS Comnav T300 | Bộ | 1 | 110.000.000 | 110.000.000 | Để tích hợp thu số liệu trạm CORS phục vụ nghiên cứu khoa học trong công tác đo đạc |
| *2* | Radio máy Comnav T300 | Bộ | 1 | 19.800.000 | 19.800.000 | |
| *3* | Điều hòa | Bộ | 1 | | | PTN tiếp nhận 30 bộ máy tính từ phòng HiClass nên cần bổ xung thêm để đảm bảo điều kiện học tập của sinh viên |
| | | | | | | |
| *B* | *Dụng cụ thí nghiệm (tủ, bàn, ghế,...)* | | | | | |
| | | | | | | |



Scanned with CamScanner

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (nếu có) | Thành tiền (nếu có) | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | |
| III | Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có): | | | | | |
| | | | | | | |

*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018*

***Thủ trưởng đơn vị***

*(Chủ nhiệm Bộ môn hoặc Trưởng Khoa, Phòng, Ban, TT)*

Trần Thuỳ Dương

***Người lập biểu***

Phùng Minh Sơn



Scanned with CamScanner

# DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP KẾ HOẠCH MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ

*NĂM 2019*

| TT | NGÀY THÁNG | TÊN ĐƠN VỊ | KÝ NỘP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 14/1/2019 | Bộ môn XDDTN & MT | N.T.Yến | |
| 2 | 17/01/2019 | Phòng KHCT | N.T.Hải | |
| 3 | 17/01/2019 | Khoa Giáo dục quốc phòng | N.Công Tú | |
| 4) | | Khoa Dầu khí | | 4A |
| 5) | | BM Địa chất Dầu khí | | 4A, 4B |
| 6) | | Khoa Lý luận chính trị | | 4A |
| 7) | 18/01/2019 | Trung tâm Hỗ trợ sinh viên | Hà Thị Hường | |
| 8, | 18/01/2019 | BM Tuyển Khoáy | Lê Việt Hà | 4A |
| 9, | 18/01/2019 | BM QTDN mỏ | Trần T.K.Vân | 4A |
| 10 | 21/01/2019. | Bmôn Khai-Chế Hầm lò | Đinh T.T.Nhàn | 4A. |
| | | BM Địa chính | Hiền | 4A |
| 11 | 21/01/2019 | BM Kỹ thuật điện - Điện tử | | 4A, 4B |
| 12 | | Y tế | | |
| 13 | 21/01/2019 | Bm Không Thạch & Địa hoá | | 4A, 4B |
| 14 | 23/1/2019 | Thư viện | | 4A |
| 15 | | BM Điện khí hoá | | |
| 16 | | BM Máy & TBCN | mail. | |
| 17 | | BM Tự động hoá | | |
| 18 | | BM Môi trg & an toàn | | |
| 19 | | Xưởng cơ điện | | |
| 20 | | BM Địa chất công trình | | |
| | | BM Địa chất | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Số: 19/MĐC-QTTB
V/v kế hoạch mua sắm, sửa chữa năm 2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019*

Kính gửi: Các đơn vị trong toàn Trường.

Để có kế hoạch thực hiện việc mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị, dụng cụ văn phòng và nhà cửa phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của các đơn vị trong toàn Trường năm 2019, Nhà trường đề nghị các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

- Trưởng các đơn vị tổ chức kiểm tra, rà soát về tình trạng trang thiết bị đã được trang bị, trên cơ sở đó căn cứ nhu cầu cần thiết về trang thiết bị của đơn vị mình để lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa cho năm 2019 (theo mẫu kèm theo).

- Các đơn vị nộp danh mục nhu cầu mua sắm và sửa chữa theo biểu mẫu về Nhà trường qua phòng Quản trị - Thiết bị (đồng chí Hương), đồng thời gửi file mềm về địa chỉ quantrithietbi@humg.edu.vn trước ngày 21/01/2019 để Nhà trường kịp thời lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***
- Như kính gửi;
- HUMG iOFFICE;
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, QTTB(03).

**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: Địa chính**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4A/KH
**(Mua sắm MMTB, DCVP, D**

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

***(Kế hoạch năm 2019)***

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (nếu có) | Thành tiền (nếu có) | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế...)*** | | | | | |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (trang thiết bị thí nghiệm, máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| *1* | Máy GNSS Comnav T300 | Bộ | 1 | 110.000.000 | 110.000.000 | Để tích hợp thu số liệu trạm CORS của nhà trường phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành Quản lý đất đai, Địa chính |
| *2* | Radio máy Comnav T300 | Bộ | 1 | 19.800.000 | 19.800.000 | |
| *3* | Điều hòa | Bộ | 1 | | | PTN tiếp nhận 30 bộ máy tính từ phòng HiClass nên cần bổ xung thêm để đảm bảo điều kiện học tập và làm việc. |
| ***B*** | ***Dụng cụ thí nghiệm (tủ, bàn, ghế,...)*** | | | | | |



Scanned with CamScanner

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (nếu có) | Thành tiền (nếu có) | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| III | Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có): | | | | | |

*Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2019*

***Thủ trưởng đơn vị***
*(Chủ nhiệm Bộ môn hoặc Trưởng Khoa, Phòng, Ban, TT)*

Trần Thuý Diệng

***Người lập biểu***

Phùng Minh Sơn



Scanned with CamScanner

# DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP KẾ HOẠCH MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ
*NĂM 2020*

| TT | NGÀY THÁNG | TÊN ĐƠN VỊ | KÝ NỘP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 12/2/20 | Tổ Máy Trái Đất M | | |
| 2 | 13/02/2020 | BM Mạng máy tính - CNTT | | 44, 48 |
| 3 | 13/02/2020 | BM Tự động hoá M | | |
| 4 | 13/02/2020 | Đoàn Thanh niên M | | |
| 5 | 14/2/2020 | BM XDCTN & Mỏ | | |
| 6 | 14/2/2020 | Xưởng CĐ M | | |
| 7 | 14/2/2020 | Trung tâm PTTN/CNC m | | |
| 8 | 14/02/2020 | Khoa Khoa học cơ bản m | Hiền | 6 đvị |
| 9 | 14/2/2020 | Bộ môn QTDN mỏ | | |
| 10 | | BM Kế toán DN M X | | |
| 11 | | ~~BM Máy & TBCN M X~~ | | |
| 12 | 14/2/2020 | BM ĐKH M | | |
| 13 | 14/2/2020 | BM Kỹ thuật CK M | | |
| 14 | 14/2/2020 | Vpk Môi trường | Trang | |
| 15 | 14/2/2020 | BM Máy & TBCN M | Thắng | |
| 16 | 14/2/2020 | BM ĐCCT M | Hà | |
| 17 | | ~~Khoa TĐH & QLDA M X~~ | | |
| 18 | | BM Địa vật lý M ✓ | | |
| 19 | 17/2/2020 | Bm Địa chính m | Nguyễn Thị Hiền | |
| 20 | 17/02/2020 | Khoa TĐ-RĐ & QLDĐ | Tạ. T. Hường | |
| 21 | 17/02/2020 | Khoa Dầu khí M | Ng T Thuý | |
| 22 | 17/2/2020 | KMỏ | Ng T Tuyết Mai | |
| 23 | 17/2/2020 | VP CTT | V. T Thủy | |
| 24 | 18/2/2020 | BM MTCS | Nguyễn Đ | |
| 25 | 19/2/2020 | ~~TTDV~~ | Hà Thu Hường | |
| | | | | |
| | | | | |

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Số: 38 /MĐC-CSVC
V/v kế hoạch mua sắm, sửa chữa năm 2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2020*

Kính gửi: Các đơn vị trong toàn Trường.

Để có kế hoạch thực hiện việc mua sắm trang thiết bị; sửa chữa máy móc thiết bị, văn phòng làm việc, phòng thí nghiệm phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của các đơn vị trong toàn Trường năm 2020, Nhà trường đề nghị các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

- Trưởng các đơn vị tổ chức kiểm tra, rà soát về tình trạng trang thiết bị đã được trang bị, trên cơ sở đó căn cứ nhu cầu cần thiết về trang thiết bị của đơn vị mình để lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa cho năm 2020 (theo mẫu kèm theo).

- Các đơn vị nộp danh mục nhu cầu mua sắm và sửa chữa theo biểu mẫu về Nhà trường qua phòng Cơ sở vật chất (đồng chí Hương), đồng thời gửi file mềm về địa chỉ phongcosovatchat@humg.edu.vn trước ngày 14/02/2020 để Nhà trường kịp thời lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***
- Các PHT (để phối hợp chỉ đạo)
- Như kính gửi;
- HUMG E-OFFICE;
- Lưu: HCTH, CSVC(03).

**HIỆU TRƯỞNG**

Scanned with CamScanner

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

*( Kế hoạch năm 2020 )*

**Đơn vị: Tổ máy trắc địa.**

| STT | Tên, ký mã hiệu hàng hóa và các chỉ tiêu kỹ thuật chính | Xuất xứ (hãng và nước sản xuất) | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (Đồng) | Thành tiền (Đồng) | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Mia Invar | Đức | Đôi | 1 | 45.000.0000 | 45.000.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 2 | Pin GPS R3 | Mỹ | Cái | 4 | 3.500.000 | 14.000.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 3 | Dây Angten R3 | Mỹ | Cái | 4 | 2.000.000 | 8.000.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 4 | Ô che máy | VN | Cái | 10 | 1.500.000 | 15.000.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 5 | Chân máy Toàn Đạc | Trung Quốc | Cái | 5 | 1.500.000 | 7.500.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 6 | Mail Toàn Đạc 235N | Trung Quốc | Cái | 1 | 15.000.000 | 15.000.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 7 | Óc Chân máy | VN | Cái | 10 | 500.000 | 5.000.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 8 | Mail Toàn Đạc 352N | Trung Quốc | Cái | 1 | 10.000.000 | 10.000.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 9 | Chân máy Thủy Chuẩn | Trung Quốc | Cái | 4 | 1.000.000 | 4.000.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 10 | Cóc mia Thủy Chuẩn | VN | Đôi | 5 | 500.000 | 2.500.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 11 | Hóa chất Axeton | VN | Lít | 2 | 100.000 | 200.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| 12 | Cồn tuyệt đối | VN | Lít | 4 | 60.000 | 240.000 | Phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học |
| **Cộng** | | | | | | 126.440.000 | |

*Thủ trưởng đơn vị*

**Nguyễn Thế Hiệp**

*Hà nội , Ngày 10 tháng 2 năm 2020*

**Người lập biểu**

**Cù Thị Thu Hà**

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4A/KH
**(Mua sắm MMTB, DCVP, DCTN)**

# DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

*(Kế hoạch năm 2020)*

| Số TT | Tên thiết bị, kí, mã hiệu tiêu chuẩn KT | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (nếu có) | Thành tiền (nếu có) | Giải trình kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Kế hoạch lập cho phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| | Máy in đa năng canon MF 212w | Chiếc | 1 | 5.350.000 | 5.350.000 | Máy in của khoa đã cũ, in chậm, hay l |
| | | | | | | |
| ***B*** | ***Dụng cụ văn phòng (tủ, bàn, ghế...)*** | | | | | |
| | Ghế gấp xuân hòa | Chiếc | 10 | 280.000 | 2.800.000 | |
| | | | | | | |
| **II** | **Kế hoạch lập cho Phòng thí nghiệm:** | | | | | |
| ***A*** | ***Máy móc thiết bị (trang thiết bị thí nghiệm, máy tính, máy in, ...)*** | | | | | |
| | Điều hòa Daikin 1 chiều inverter 18000BTU | Chiếc | 2 | 17.390.000 | 34.780.000 | |
| | | | | | | |
| ***B*** | ***Dụng cụ thí nghiệm (tủ, bàn, ghế,...)*** | | | | | |
| | | | | | | |
| **III** | **Phần thiết bị đề nghị điều chuyển, thanh lý (nếu có):** | | | | | |
| | | | | | | |

*Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2020*

*Trưởng khoa*

Trần Ngọc Quý

*Người lập biểu*

Tạ Phi Thúc Hường



Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
**Đơn vị: Bộ môn Địa chính**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu số 4B/KH
**(Sửa chữa MMTB, VP làm việc, phòng TN**

# DANH MỤC NHU CẦU SỬA CHỮA MÁY MÓC THIẾT BỊ, VĂN PHÒNG LÀM VIỆC, PHÒNG THÍ NGHIỆM

*(Kế hoạch năm 2020)*

| TT | Tên thiết bị hoặc đối tượng cần sửa chữa | Tình trạng | Giải trình việc sửa chữa | Dự trù kinh phí, VNĐ (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Sửa trần Phòng thí nghiệm Công nghệ Địa chính | Sập trần Phòng thí nghiệm | Phòng thí nghiệm hiện không hoạt động do trần nhà bị sập. | 10,000,000 | 10 triệu đồng |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

*Hà Nội, ngày 17 tháng 2 năm 2020*

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Chủ nhiệm Bộ môn hoặc Trưởng Khoa, Phòng, Ban, TT)*

Trần Thanh Dũng

**Người lập biểu**

Nguyễn Thị Hiền



Scanned with CamScanner